TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 4 – 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp P, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh D, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp Y, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh D do quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi. Hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Trần Minh Đ sinh năm 1985, Trần Thị T sinh năm 1990, Trần Thị Ngọc Tr sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P xác định do không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Trần Minh D là vợ chồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyện Thị P và ông Trần Minh D có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà P và ông D phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P và ông D xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa ông bà thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên không còn chung sống với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông D thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà P và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do bà P và ông D không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông D là phù hợp theo quy định.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông D có 03 con chung là Trần Minh Đ, sinh năm 1985; Trần Thị T, sinh năm 1990; Trần Thị Ngọc Tr, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà P và ông D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà P và ông D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 19, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trần Minh D.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị P và ông Trần Minh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Minh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Minh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí theo quy định. Bà Nguyễn Thị P được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006235 lập ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa